TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG THÀNH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 164/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 09/10/2018.
V/v: "Tranh chấp về ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà La Thị Hồng Gấm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Hùng.

2. Ông Phạm Đức Nhân.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Lê Thị Hoài Diễm, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa***: Bà Lê Thị Hồng Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử công khai vụ án thụ lý số 342/2018/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2018 về "Tranh chấp về ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 149/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 171/2018/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Châu Trung M**, sinh năm: 1978.
Địa chỉ: Số nhà 17, tổ 8, ấp L, xã P, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Chị **Vũ Thị H**, sinh năm: 1983.
Địa chỉ: Số nhà 17, tổ 8, ấp L, xã P, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.
(Anh M có mặt, chị H vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 07/5/2018 và các lời khai tại Tòa, nguyên đơn anh Châu Trung M trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Vũ Thị H tự nguyện xây dựng gia đình với nhau và có tổ chức lễ cưới vào năm 2003, đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Long Thành ngày 21/11/2003. Sau khi kết hôn thời gian đầu anh chị chung sống bình thường, thỉnh thoảng có mâu thuẫn nhỏ nhưng anh chị thu xếp bỏ qua được. Từ tháng 02/2017 mâu thuẫn trầm trọng do ngoài giờ làm việc anh có đi chơi với bạn bè nhưng vẫn về nhà sớm, không có qua đêm bên ngoài. Chị H nghi nghờ anh có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác tên Vũ Thị T, anh xác định anh và chị T chỉ là bạn bè bình thường, không có quan hệ tình cảm với nhau. Do mâu thuẫn, anh và chị H thường xuyên cải vã và xô xát nhau nên anh đã dọn ra ngoài sống ly thân từ tháng 10/2017 đến nay. Mâu thuẫn giữa anh chị hai bên gia đình đều biết và có hòa giải cho anh chị nhưng không có kết quả. Nay anh nhận thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, không thể đoàn tụ nên anh xin được ly hôn với chị H.

+ Về con chung: có 01 con chung tên Châu Vũ Quốc H, sinh ngày 18/10/2004.

Hiện cháu H đang ở cùng với chị H, trước đây anh yêu cầu được nuôi con chung nhưng tại Tòa cháu H có nguyện vọng được sống cùng chị H nên anh đồng ý giao cháu H cho chị H nuôi dưỡng, anh sẽ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng. Hiện nay anh đang làm nhân viên văn phòng tại Công ty TNHH A Việt Nam tại Khu Công nghiệp Mỹ Xuân, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, thu nhập bình quân mỗi tháng khoảng 7.000.000 đồng.

+ Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai ngày 14/6/2018 và biên bản hòa giải ngày 22/6/2018 bị đơn chị Vũ Thị H trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh M xây dựng gia đình với nhau năm 2003, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Long Thành ngày 24/11/2003. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc, chỉ có những mâu thuẫn nhỏ nhưng không đáng kể. Từ tháng 10/2017 mâu thuẫn trầm trọng nên anh M tự dọn ra ngoài ở, anh chị sống ly thân cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị thấy anh M thường xuyên đi chơi, chị có nghe hàng xóm nói anh M có quan hệ tình cảm với nhiều người nhưng chị không có chứng cứ. Khoảng tháng 02/2018 chị nhìn thấy anh M và chị Vũ Thị T mua trái cây hoa quả đến tảo mộ của ba chị T ở nghĩa địa. Sau đó anh chị thường xuyên cải vã, xô xác nhau nhưng anh chị không có trình báo chính quyền địa phương. Hiện nay chị không có chứng cứ nào khác về mối quan hệ giữa anh M và chị T. Mặc dù anh chị đã ly thân từ tháng 10/2017 nhưng chị xác định vẫn còn tình cảm với anh M. Nay

anh Minh xin ly hôn chị không đồng ý ly hôn vì chị còn thương anh M, chị muốn gia đình đoàn tụ.

+ Về con chung: có 01 con chung tên Châu Vũ Quốc H, sinh ngày 18/10/2004.

Hiện cháu H đang ở cùng với chị, nếu ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu H, chị yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng. Hiện chị H đang làm nghề buôn bán, thu nhập bình quân mỗi tháng khoảng 7.000.000 đồng.

+ Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Nợ chung: Chị H tham gia chơi hụi và còn nợ chị Lê Thị S số tiền 221.000.000 đồng. Tuy nhiên chị S đã có ý kiến không khởi kiện trong vụ án này nên chị cũng không có yêu cầu Tòa án giải quyết số nợ này.

Các tài liệu, chứng cứ trong vụ án: Đơn khởi kiện tranh chấp ly hôn; Giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu, sổ tạm trú; Giấy khai sinh con; Giấy chứng nhận kết hôn; Bản tự khai của anh M; Bản tự khai của chị H; Bản tự khai của cháu H; Bản tự khai và đơn xin vắng mặt của chị S; Biên bản hòa giải; Bảng xác nhận lương; Biên bản xác minh tại UBND xã P; Biên bản ghi nhận sự việc không tiến hành làm việc được; Hình chụp và bản giải trình; Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Biên bản không tiến hành hòa giải được.

Các tình tiết các bên thống nhất và không thống nhất: Anh M xin ly hôn, chị H không đồng ý ly hôn. Về con chung: Có 01 con chung là Châu Vũ Quốc H, sinh ngày 18/10/2004. Các đương sự thỏa thuận chị H sẽ nuôi dưỡng cháu H, chị H yêu cầu cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng, anh M đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng. Tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành: Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn như cung cấp tài liệu, chứng cứ và tham gia phiên tòa được thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Xét quan hệ hôn nhân giữa anh M và chị H là quan hệ hôn nhân hợp pháp, vợ chồng có mâu thuẫn trầm trọng, đã sống ly thân

không hàn gắn đoàn tụ được nên yêu cầu ly hôn là có căn cứ chấp nhận. Về con chung: có 01 con chung là cháu Châu Vũ Quốc H, sinh ngày 18/10/2004, hiện cháu H đang sống cùng chị H, anh M đồng ý giao con cho chị H nuôi dưỡng nên đề nghị giao cháu H cho chị H nuôi dưỡng, anh M cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng. Về tài sản chung và nợ chung: không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai về việc tham gia phiên tòa đối với bị đơn chị Vũ Thị H nhưng chị H vắng mặt không có lý do; Căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị H.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Anh M và chị H tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn và được UBND xã P cấp giấy chứng nhận kết hôn số 163 ngày 24/11/2003 nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên anh M nộp đơn xin ly hôn. Xét yêu cầu ly hôn của anh M có cơ sở chấp nhận bởi lẽ anh M và chị H đều thừa nhận vợ chồng mâu thuẫn, đã sống ly thân từ tháng 10/2017 đến nay, không có khả năng hàn gắn đoàn tụ. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh M xử cho anh M được ly hôn chị H.

Về con chung: Có 01 con chung tên Châu Vũ Quốc H, sinh ngày 18/10/2004.

Xét thấy hiện cháu H đang sống cùng chị H và được chị H chăm sóc tốt, cháu H có ý kiến muốn tiếp tục sống cùng chị H. Trong quá trình giải quyết vụ án, tại biên bản hòa giải ngày 22/6/2018 anh M và chị H cũng thỏa thuận giao cháu H cho chị H nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận giao cháu H cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chị H yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng, anh M đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng. Căn cứ vào xác nhận lương ngày 26/6/2018 của Công ty TNHH A Việt Nam thể hiện thu nhập bình quân của anh M là 6.850.000 đồng/tháng. Xét thấy,

mức cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng là phù hợp với thu nhập của anh M và nhu cầu thiết yếu của con chung, chị H cũng làm nghề buôn bán có mức thu nhập tương đương với anh M, đảm bảo điều kiện nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 116 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận mức cấp dưỡng nuôi con của anh M là 2.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí: Anh M phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28; 35, 147, 227, 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117, 118 và Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Châu Trung M về việc "Tranh chấp về ly hôn, nuôi con" đối với chị Vũ Thị H, xử cho anh Châu Trung M được ly hôn chị Vũ Thị H.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Châu Vũ Quốc H, sinh ngày 18/10/2004, xử giao cháu H cho chị Vũ Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Châu Trung M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng). Thời hạn cấp dưỡng nuôi con từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Anh M được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Khi cần thiết các đương sự có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án

còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Anh Châu Trung M phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, tổng cộng là 600.000 đồng. Nhưng anh M được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 002243 ngày 15/5/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành, anh M phải nộp thêm 300.000 đồng.

Anh Châu Trung M được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Vũ Thị H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận :
- Tòa án ND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND H. Long Thành (1);
- Chi cục THADS H. Long Thành (1);
- Các đương sự (2);
- UBND xã P (1)
Giấy CNKH số 163 ngày 24/11/2003;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai (1);
- Lưu (3).

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

La Thị Hồng Gấm